HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10 /2023/NQ-HĐND	*Quảng Nam, ngày 12 tháng 7 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Quy định một số nội dung và mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ; số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 4012/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Báo cáo thẩm tra số 75/BC-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp .

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số nội dung và mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý, phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh áp dụng 100% định mức chi quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị quyết này.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: Chi thù lao được áp dụng tối đa bằng 70% đối với các mức chi thù lao quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị quyết này. Đối với các khoản chi khác ngoài nội dung chi thù lao được thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị quyết này.

Điều 3. Định mức chi

1. Mức chi thù lao

Mức chi thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ là 32 triệu đồng/người/tháng.

Tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng tiền công trực tiếp đối với các chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ, thư ký khoa học, thành viên chính và thành viên.

2. Mức chi thuê chuyên gia trong nước

Mức chi thuê chuyên gia trong nước được áp dụng mức chi tối đa quy định tại Thông tư 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

3. Mức chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu:

Thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí; Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh

(sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND); Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ chi tổ chức đàm phán và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019.

Mức chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học:

a) Người chủ trì: 1.500.000 đồng/buổi hội thảo;

b) Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 500.000 đồng/buổi;

c) Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 2.000.000 đồng/báo cáo;

d) Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo: 1.000.000 đồng/báo cáo;

đ) Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 200.000 đồng/thành viên/buổi.

4. Mức chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh.

5. Mức chi họp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) bằng 50% mức chi cho Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này.

6. Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/nhiệm vụ.

Điều 4. Mức chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ:

a) Mức chi thù lao:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi (*1.000 đồng*)
1	**Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ**		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng	Người	1.000
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên hội đồng	Người	800
	Thư ký khoa học	Người	300

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi (*1.000 đồng*)
	Thư ký hành chính	Người	300
	Đại biểu được mời tham dự	Người	200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	Phiếu	300
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng	Phiếu	500
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch hội đồng	Người	500
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng	Người	300
2	**Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ**		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng	Người	1.500
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên hội đồng	Người	1.000
	Thư ký khoa học	Người	300
	Thư ký hành chính	Người	300
	Đại biểu được mời tham dự	Người	200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	Phiếu	400
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng	Phiếu	700
3	**Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ**		
a	Chi họp Hội đồng	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch Hội đồng	Người	1.500
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên hội đồng	Người	1.000
	Thư ký khoa học	Người	300
	Thư ký hành chính	Người	300
	Đại biểu được mời tham dự	Người	200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi (*1.000 đồng*)
		xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	Phiếu	400
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng	Phiếu	700
4	**Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng**	Chuyên gia	1.200

b) Mức chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Mức chi thù lao của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi (*1.000 đồng*)
1	Tổ trưởng Tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700
2	Thành viên Tổ thẩm định	Nhiệm vụ	500
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200

3. Mức chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Tổng mức chi thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập được tính tối đa bằng 4 lần mức chi thù lao (gồm tiền họp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

4. Mức chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

a) Mức chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Mức chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng với mức 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

5. Mức chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đối ứng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có).

3. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Các nội dung khác không được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các quy định tại Thông tư 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ mười lăm thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 7 năm 2023, thay thế Nghị quyết số 45/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Nơi nhận:
- UBTVQH;
- Chính phủ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBTVQH;
- Các Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Q.Nam, Đài PT-TH tỉnh Quảng Nam;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Phan Việt Cường